

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO

Tình hình sinh vật gây hại cây trồng

(Từ ngày 14 tháng 3 năm 2023 đến ngày 21 tháng 3 năm 2023)

I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ CÂY TRỒNG

1. Thời tiết

Có mây, đêm không mưa, ngày nắng, riêng miền Đông có nắng nóng. Gió đông đến đông nam cấp 2 - 3. Nhiệt độ thấp nhất từ 23°C - 26°C, nhiệt độ cao nhất từ 32°C - 35°C, riêng miền Đông 34°C - 36°C có nơi trên 36°C.

Dự báo tuần tới: Ngày nắng, miền Đông Nam Bộ có nắng nóng. Nhiệt độ trung bình từ: 28,5°C – 29,5°C. Giá trị tổng lượng mưa 5 – 15 mm.

2. Cây trồng và giai đoạn sinh trưởng

a) Cây lúa

Cây lúa Vụ Đông xuân 2022 – 2023		Cây lúa Vụ Hè thu 2023	
Giai đoạn sinh trưởng	Diện tích (ha)	Giai đoạn sinh trưởng	Diện tích (ha)
Mạ	-	Mạ	73
Đẻ nhánh	-	Đẻ nhánh	-
Làm đồng	77	Làm đồng	-
Trổ	267	Trổ	-
Chín	492	Chín	-
Thu hoạch	3.312	Thu hoạch	-
Tổng	4.148	Tổng	73

b) Cây trồng khác

Nhóm/loại cây	Giai đoạn sinh trưởng	DTGT (ha)	Nhóm/loại cây	Giai đoạn sinh trưởng	DTGT (ha)
1. Cây rau Đông xuân 2022-2023		6.669,4	2. Hoa, cây kiểng	Nhiều giai đoạn	1.699,8
- RALNN	Nhiều giai đoạn	1.661,4	Hoa lan	Nhiều giai đoạn	340
- RALDN	-		Hoa mai	Nhiều giai đoạn	765
- RCQNN	Nhiều giai đoạn	531,2	3. Cây lương thực	Nhiều giai đoạn	381,4
- RCQDN	Nhiều giai đoạn	418,4	Bắp	Sinh trưởng	314,0
- Rau gia vị	Nhiều giai đoạn	252,4	Khoai mì	Sinh trưởng	65,4
- Rau thủy sinh	Nhiều giai đoạn	192,5	4. Cây công nghiệp	Nhiều giai đoạn	1.319
- RMN	Nhiều giai đoạn	2.090,1			

Ghi chú: DTGT: Diện tích gieo trồng; RALNN: Rau ăn lá ngắn ngày; RALDN: Rau ăn lá dài ngày; RCQNN: Rau củ quả ngắn ngày; RCQDN: Rau củ quả dài ngày; RMN: Rau muống nước;

II. KẾT QUẢ GIÁM SÁT SINH VẬT GÂY HẠI CHỦ YẾU

1. Số liệu theo dõi côn trùng vào bẫy đèn rầy nâu trên lúa (con/bẫy/đêm)

TT	HUYỆN	Xã	Ngày vào đèn							
			13/3	14/3	15/3	16/3	17/3	18/3	19/3	20/3
1	Củ Chi	Thái Mỹ	14	12	16	21	28	37	35	41
		Trung Lập Thượng	72	64	56	48	44	39	36	-

III. TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI CHỦ YẾU

1. Mật độ, tỷ lệ sinh vật gây hại chủ yếu

a) Trên cây lúa vụ Đông xuân 2022 - 2023

TT	Tên SVGH	Mật độ sâu (c/m^2), tỷ lệ bệnh (%)			Tuổi sâu, cấp bệnh phô biến	Phân bố
		Phổ biến	Cao	Cực bộ		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Bọ xít hôi	3-5			1-3	HM
2	OBV	3-10			Các giai đoạn	HM
3	Chuột	3			Các giai đoạn	HM, BT
4	Đạo ôn	3-10			1-3	HM,BT
5	Vàng lá	2-10			1-3	BT
6	Lem lép hạt	1-5			1-3	HM

b) Mật độ, tỷ lệ sinh vật gây hại chủ yếu trên cây rau

TT	Tên SVGH	Mật độ sâu (c/m^2), tỷ lệ bệnh (%)			Tuổi sâu, cấp bệnh phô biến	Phân bố
		Phổ biến	Cao	Cực bộ		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Bọ nhảy	2-120			1-5	HM, Q12, BC, BT
2	Sâu xanh	1-10			1-5	HM, Q12, CC, BC, BT
3	Sâu tơ	3-12			1-5	TĐ, HM, Q12, BC, BT
4	Dòi đục lá	2-6			1-5	HM, CC
5	Sâu đục trái	2-4			1-5	BC
6	Sâu ăn tạp	2-100			1-5	TĐ, HM, Q12, CC, BC, BT
7	Bọ trĩ	1-10			1-5	CC, BC
8	Rầy mềm	1-900			1-5	BC, BT
9	Rầy xanh	3-7			1-5	HM, BC, CC
10	Rầy xám	100->500			1-5	TĐ, HM, Q12
11	Bọ phấn	2-10			1-5	CC
12	Sâu đục đốt	5-10			1-5	BC
13	Bọ xít đen	5-10			1-5	TĐ
14	Ruồi đục trái	3-5			1-5	BC, CC
15	OBV	3-30			Các giai đoạn	TĐ, HM, Q12
16	Óc sên	2-5			Các giai đoạn	Q12, BC
17	Tnhũn/r.cải	1-10			1-3	HM, Q12, BC
18	Rí trắng/RM	2-10			1-3	TĐ, HM, Q12, CC, BC, BT
19	Đồm lá	2-5			1-3	BC, HM, Q12
20	Ph.vàng/dura leo, khổ qua	5-7			1-3	HM
21	Vàng lá	2-10			1-3	TĐ, HM

2. Nhận xét tình hình sinh vật gây hại trong kỳ

a) Cây lúa vụ Đông xuân 2022 - 2023

Tổng diện tích nhiễm sinh vật hại trên lúa là 529,6 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (216,3 ha). Các sinh vật hại trên lúa hiện nay chủ yếu gồm có: Bọ xít hôi, ốc bươu vàng và bệnh đạo ôn. Các sinh vật hại đều ở mức nhiễm nhẹ.

- *Bọ xít hôi*: gây hại trên 5,4 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (8,5 ha).
- *Ốc bươu vàng*: gây hại trên 517 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (202 ha).
- *Bệnh đạo ôn*: gây hại trên 3,5 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (3,3 ha).

b) Cây rau

Tổng diện tích nhiễm sinh vật hại trên rau trong tuần qua là 600,1 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (673,9 ha), trong đó diện tích phòng trừ là 379,1 lượt ha chiếm 63,2% diện tích nhiễm sinh vật hại. Các sinh vật hại chủ yếu là sâu ăn tạp, sâu xanh, bọ nhảy, rầy xám, bệnh rỉ trắng và ốc bươu vàng. Các sinh vật hại đều có mật số và tỉ lệ bệnh ở mức nhẹ.

- *Sâu ăn tạp*: gây hại trên 122,7 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (142,5 ha).
- *Sâu xanh*: gây hại trên 62,3 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (62,1 ha).
- *Bọ nhảy*: gây hại trên 24,4 ha, tương đương so với cùng kỳ năm trước (24,4 ha).
- *Rầy xám*: gây hại trên 20,2 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (53,8 ha).
- *Ốc bươu vàng*: gây hại trên 208,5 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (218,6 ha).
- *Bệnh rỉ trắng*: gây hại 33,8 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (54,1 ha).
- *Bệnh đốm lá*: gây hại 9,7 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (13,9 ha).
- *Bệnh vàng lá* gây hại 7,0 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (2,3 ha).
- *Bệnh thối nhũn*: gây hại 6,4 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (11 ha).

c) Trên cây trồng khác

Cây khoai mì: Tổng diện tích trồng khoai mì bị nhiễm bệnh khâm lá là 0,5 ha, chiếm 0,76% diện tích gieo trồng (65,4 ha). Bệnh gây hại chủ yếu ở mức độ nhẹ dưới 30% và gây hại chủ yếu trên các giống khoai mì KM505 (0,5 ha).

Cây dừa: Chưa ghi nhận diện tích bị sâu đầu đen (*Opisina arenosella*) gây hại trên cây dừa.

Cây bắp: Chưa ghi nhận diện tích bị sâu keo mùa thu (*Spodoptera frugiperda*) gây hại trên cây bắp.

IV. DỰ BÁO SINH VẬT GÂY HẠI VÀ ĐỀ XUẤT BIỆN PHÁP CHỈ ĐẠO PHÒNG TRỪ

1. Dự báo sinh vật gây hại chủ yếu trong kỳ tới

a) Cây lúa

- *Rầy nâu*: Rầy nâu ngoài đồng phổ biến trưởng thành – tuổi 1 với mật số thấp. Chú ý thăm đồng, theo dõi chặt diễn biến của rầy nâu trên đồng để có biện

pháp quản lý hiệu quả đối tượng này. Các địa phương chuẩn bị xuồng giống lúa Hè Thu 2023 cần chuẩn bị giống tốt, làm đất kỹ, thời gian xuống giống theo khuyến cáo của cơ quan chuyên môn.

- *Các loại bệnh hại:* Thăm đồng thường xuyên, theo dõi sát diễn biến của bệnh hại trên đồng. Cần chú ý bệnh đạo ôn cỏ bông, lem lép hạt giai đoạn lúa trổ - chín.

- Các đối tượng khác xuất hiện và gây hại với tỷ lệ và mật số không cao.

b) Cây rau

- *Rau ăn lá:* Cần chú ý các loài sâu hại phổ biến như bọ nhảy, sâu tơ, sâu xanh, sâu khoang, rầy xám. Ngoài ra cần chú ý phòng trị một số bệnh như thối nhũn, gỉ trắng trên cây rau muống.

- *Rau ăn quả:* Lưu ý các sinh vật hại phổ biến như sâu ăn tạp, sâu xanh, ruồi đục trái, rầy mềm, đóm lá, vàng lá.

c) Cây hoa kiêng

- *Hoa lan:* Bệnh thán thư, thối thân, vàng lá, đóm lá và một số côn trùng gây hại như nhện đỏ, muỗi đục nụ, ốc sên.

- *Hoa mai:* Sâu ăn lá, rầy xanh, bọ trĩ, bệnh nấm hồng.

d) Cây trồng khác

- *Cây khoai mì:* Cần theo dõi bệnh khâm lá virus đối với diện tích xuống giống mới. Lưu ý các đối tượng sinh vật gây hại như: nhện đỏ, bọ phấn trắng, rệp sáp bột hồng, rệp sáp... gây hại trên săn giai đoạn phát triển thân lá - phát triển củ - thu hoạch.

- *Cây bắp:* Cần lưu ý sâu keo mùa thu... trên bắp ở giai đoạn 5 lá - xoáy nõn - trổ cờ. Ngoài ra, lưu ý các đối tượng sinh vật gây hại khác như sâu xám, bệnh đốm lá, chuột,...

- *Cây dừa:* Cần lưu ý các đối tượng như bọ cánh cứng, bọ vòi voi, sâu đầu đen.

Ngoài ra, cũng cần lưu ý đến bệnh rụng lá đốm tròn trên cây cao su; bệnh Greening, và sâu đục trái trên cây có múi; Sâu đục thân, rệp sáp, rầy đầu vàng trên các ruộng mía giai đoạn đẻ nhánh tích cực và vươn lóng.

2. Đề xuất biện pháp chỉ đạo phòng trừ sinh vật gây hại chủ yếu trong kỳ tới

- Thường xuyên cử cán bộ kỹ thuật theo dõi, bám sát đồng ruộng, điều tra nắm bắt kịp thời tình hình sinh vật hại để phòng trị kịp thời, tránh sâu hại lây lan và gây hại trên diện rộng, ảnh hưởng đến năng suất.

- Tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị số 5957/CT-BNN-BVTV ngày 06/8/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc tăng cường công tác phòng chống bệnh khâm lá virus hại săn.

- Tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị số 9864/CT-BNN-BVTV ngày 19/12/2018 của Bộ NN&PTNT về việc tăng cường công tác phòng, chống chuột bảo vệ sản xuất.

- Tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị 4962/BNN-BVTV ngày 15/7/2019 của Bộ trưởng về tăng cường chỉ đạo phòng chống sâu keo mùa thu hại ngô, giám sát phòng chống hiện tượng lùn xoắn lá ngô; Theo dõi chặt chẽ diễn biến của sâu keo mùa thu hại ngô, áp dụng Quy trình kỹ thuật phòng, chống sâu keo mùa thu

do Bộ NN&PTNT ban hành trong công văn số 218/QĐ-BNN-BVTV ngày 16/01/2020.

- Trên nhóm cây có múi áp dụng các biện pháp quản lý trong quy trình phòng trừ bệnh greening và sâu đục trái cây có múi đã được ban hành. Khuyến cáo áp dụng biện pháp bao trái để phòng ngừa sâu đục trái gây hại./. *Viet*

Nơi nhận:

- Trung tâm BVTV Phía Nam;
- Sở NN và PTNT (phòng KHCN);
- UBND TP.Thủ Đức;
- UBND huyện: CC, HM, BC, NB, CG;
- UBND Quận: 7, 12, Bình Tân;
- Chi cục TTBVTV các tỉnh phía Nam;
- Hội Nông dân Thành phố;
- Trung tâm Khuyến nông;
- Ban lãnh đạo Chi Cục;
- Phòng: BVTV, TT;
- Trạm TTBVTV;
- Lưu: VT, BVTV.ĐTH (02).

**KT.CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**



Trưởng Công Lực



Phụ lục I

TỔNG HỢP DIỆN TÍCH NHIỄM SVGH CHỦ YẾU TRÊN CÂY LÚA
 (Kết quả điều tra số: 28 /BC-CCTTB/TV, ngày 25 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật)

1. Vụ D英格兰 2022 - 2023

STT	THỰC VẬT Tên SVGH	Diện tích nhiễm (ha)		Tổng DTN (ha)	So sánh DTN (+/-) Kỳ trước	CKNT	DT phòng trù (ha)	Phân bón	(10)
		Nhỏ-Tb	Nặng						
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	
1	Bọ xít hôi	5,4		5,4	5,9	8,5			HM
2	Đạo ôn	3,5		3,5	4,2	3,3			HM
3	OBV	517,0		517,0	654	202			HM,BT
4	Chuột	2,5		2,5	2,5	2,5			HM,BT
5	Vàng lá	1,0		1,0	1	-			BT
6	Lem lèp hat	0,2		0,2	-	-			HM
	Tổng	529,6		529,6	667,6	216,3			

CHI CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT

Phụ lục II
TỔNG HỢP DIỆN TÍCH NHIỄM SINH VẬT GÂY HẠI CHỦ YẾU TRÊN CÂY RAU
(Kèm theo Báo cáo số: BC-CCTTBVTV, ngày 22 tháng 9 năm 2023 của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật)

STT	Tên SVGH	Diện tích nhiễm (ha)		Tổng DTN (ha)	So sánh DTN (+/-) Kỳ trước	CKNT	DT phòng trù (ha)	Phân bón
		Nhẹ-Tb	Nặng					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Bọ nhảy	24,4		24,4	23,9	24,4	15,9	HM, Q12, BC, BT
2	Sâu xanh	62,3		62,3	58,1	62,1	43,0	HM, Q12, CC, BC, BT
3	Sâu tơ	17,1		17,1	16,1	14,0	10,8	TD, HM, Q12, BC, BT
4	Dòi đục lá	16,4		16,4	16,4	4,6	8,2	HM, CC
5	Sâu đục trái	1,8		1,8	1,8	1,6	1,8	BC
6	Sâu ăn tạp	122,7		122,7	119,7	142,5	75,9	TD, HM, Q12, CC, BC, BT
7	Bọ trĩ	15,8		15,8	15,8	20,0	8,8	CC, BC
8	Rầy mềm	1,3		1,3	1,3	1,8	1,2	BC, BT
9	Rầy xanh	16,9		16,9	15,1	25,1	7,6	HM, BC, CC
10	Rầy xám	20,2		20,2	20,6	53,8	10,1	TD, HM, Q12
11	Bọ phấn	11,0		11,0	10,0	8,1	7,0	CC
12	Sâu đục đọt	1,1		1,1	1,1	1,6	1,1	BC
13	Bọ xít đen	4,0		4,0	4,0	1,0		TD
14	Ruồi đục trái	18,6		18,6	18,6	10,6	12,6	BC, CC
15	OBV	208,5		208,5	208,5	218,6	136,7	TD, HM, Q12
16	Óc sên	0,60		0,60	0,60	0,5	0,5	Q12, BC
17	Tnhūn/r.cải	6,4		6,4	7,0	11,0	4,0	HM, Q12, BC
18	Rí trắng/RM	33,8		33,8	33,0	54,1	23,4	TD, HM, Q12, CC, BC, BT
19	Dòm lá	9,7		9,7	10,0	13,9	6,1	BC, HM, Q12
20	Ph.vàng/dưa leo, khổ qua	0,5		0,5	0,8	2,3	0,4	HM
21	Vàng lá	7,0		7,0	6,7	2,3	4,0	TD, HM
	Tổng	600,1		589,1	673,9	379,1		

CHI CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT